

KÊ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021

MÔN : TOÁN 6

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm: 35 tuần = 140 tiết

Học kì I: 18 tuần = 72 tiết

Học kì II: 17 tuần = 68 tiết

Cả năm 140 tiết	Số học 111 tiết	Hình học 29 tiết
Học kỳ 1 18 tuần 72 tiết	57 tiết 15 tuần đầu x 3 tiết = 45 tiết 3 tuần cuối x 4 tiết = 12 tiết	15 tiết 15 tuần đầu x 1 tiết = 15 tiết 3 tuần cuối x 0 tiết = 0 tiết
Học kỳ 2 17 tuần 68 tiết	54 tiết 14 tuần đầu x 3 tiết = 42 tiết 3 tuần cuối x 4 tiết = 12 tiết	14 tiết 14 tuần đầu x 1 tiết = 14 tiết 3 tuần cuối x 0 tiết = 0 tiết

I. Học kì I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết

PHẦN SỐ HỌC: 57 tiết

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Nội dung điều chỉnh	Hướng dẫn thực hiện
Chương I: Ôn tập và bổ túc về số tự nhiên							
1	1	§1. Tập hợp. Phần tử của tập hợp	- Kiến thức: Học sinh được làm quen với khái niệm tập hợp bằng cách lấy các ví dụ về tập hợp, nhận biết được một số đối tượng cụ thể thuộc hay không thuộc một tập hợp cho trước. - Kĩ năng: Biết viết một tập hợp theo diễn đạt bằng lời của bài toán,	Bảng phụ có vẽ hình biểu diễn tập hợp A – B (H_2 SGK)			

			biết sử dụng kí hiệu thuộc và không thuộc $\in, \notin$. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.				
2	2+3	§2. Tập hợp số tự nhiên	Kiến thức: Học sinh biết được tập hợp các số tự nhiên, nắm được quy ước về thứ tự trong tập hợp số tự nhiên, biết biểu diễn một số tự nhiên trên trục số, điểm biểu diễn số nhỏ nằm bên trái điểm biểu diễn số lớn hơn. - Học sinh hiểu thế nào là hệ thập phân, phân biệt được số và chữ số trong hệ thập phân. Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số thay đổi theo vị trí. - Kĩ năng: Sử dụng được các ký hiệu $=, \neq, >, <, \leq, \geq$. + Viết được số tự nhiên theo yêu cầu bài toán; + Đọc và viết được các số La Mã từ 1 đến 30. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.			§3. Ghi số tự nhiên Mục 1. Số và chữ số	Tự học có hướng dẫn
				Bảng phụ có vẽ tia số Bảng ghi sẵn các chữ số La Mã từ I $\rightarrow$ X. Đồng hồ mặt chữ số La Mã		Cả 2 bài	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “<i>Tập hợp số tự nhiên</i>” 1. Tập hợp N và N^* 2. Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên 3. Ghi số tự nhiên a) Số và chữ số b) Hệ thập phân Hệ La Mã
3	4	§4. Số phần tử của một tập hợp. Tập hợp con	Kiến thức: - Học sinh hiểu được một tập hợp có thể có một, nhiều phần tử, có thể có vô số phần tử, cũng có thể không có phần tử nào, hiểu được khái niệm tập hợp con, hai tập hợp bằng nhau.	Bảng phụ hình 11			

			- Biết tìm số phần tử của tập hợp, biết kiểm tra một tập hợp có phải là tập hợp con của một tập hợp không. - Kĩ năng: Rèn kĩ năng viết tập hợp con, 2 tập bằng nhau; nhận biết tập hợp rỗng. + Sử dụng đúng kí hiệu $\subset$, $\emptyset$, đếm đúng số phần tử của một tập hợp hữu hạn. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.				
4	5	Luyện tập	Kiến thức: Học sinh biết tìm số phần tử của một tập hợp (Lưu ý trường hợp các phần tử của một tập hợp được viết dưới dạng dãy số có quy luật). - Kĩ năng: Rèn kĩ năng viết tập hợp con, 2 tập bằng nhau; nhận biết tập hợp rỗng. + Sử dụng đúng kí hiệu $\subset$, $\emptyset$, đếm đúng số phần tử của một tập hợp hữu hạn. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.	Máy chiếu			
5	6	§5. Phép cộng và phép nhân	Kiến thức: Học sinh biết tính chất của phép cộng, phép nhân trong tập hợp các số tự nhiên. - Kĩ năng: Thực hiện các phép tính cộng, nhân các số tự nhiên; + Vận dụng hợp lý các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của	Bảng phụ ghi sẵn các tính chất. ?1, SGK, giáo án, phần màu, thước kẻ			

			phép nhân đối với phép cộng trong tính toán; + Cộng, nhân, tính nhẩm, tính nhanh một số có hai chữ số với một số có một chữ số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.				
6	7	Luyện tập	KT: Học sinh vận dụng được các tính chất của phép cộng, phép nhân để giải các dạng bài tập. - Kĩ năng: Thực hiện các phép tính cộng, nhân các số tự nhiên; + Vận dụng hợp lý các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán; + Cộng, nhân, tính nhẩm, tính nhanh một số có hai chữ số với một số có một chữ số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.	MTCT loại fx - 500 MS hoặc fx - 570 MS			
7	8	Luyện tập(tt)	Kiến thức: HS biết vận dụng tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, phép nhân các số tự nhiên, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng vào bài tập tính nhẩm, tính nhanh. - Kĩ năng: Thực hiện các phép tính cộng, nhân các số tự nhiên; + Vận dụng hợp lý các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của	MTCT loại fx - 500 MS hoặc fx - 570 MS			

			phép nhân đối với phép cộng trong tính toán; + Cộng, nhân, tính nhẩm, tính nhanh một số có hai chữ số với một số có một chữ số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.				
8	9	§6. Phép trừ và phép chia	KT: - Học sinh hiểu được khi nào kết quả một phép trừ là số tự nhiên, kết quả phép chia là một số tự nhiên. - Nắm được quan hệ giữa các số trong phép trừ, phép chia hết, phép chia có dư. - Kĩ năng: Thành thạo thực hiện phép trừ, phép chia các số tự nhiên; + Tính nhẩm, tính nhanh hợp lý. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.	Máy chiếu			
9	10	Luyện tập	- Kiến thức: HS hiểu đ-ợc mối quan hệ giữa các số trong phép trừ, điều kiện để phép trừ thực hiện đ-ợc. - Kĩ năng: Thành thạo thực hiện phép trừ các số tự nhiên; + Tính nhẩm, tính nhanh hợp lý. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác,	Máy chiếu, thước kẻ			

			giải quyết vấn đề.				
10	11	Luyện tập (tt)	Kiến thức: Củng cố kiến thức về phép nhân, phép chia hết và phép chia có dư. - Kĩ năng: Thành thạo thực hiện phép nhân, phép chia các số tự nhiên; + Tính nhẩm, tính nhanh hợp lý. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.	Máy chiếu, thước kẻ			
11	12-14	Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số	- Kiến thức: Học sinh nắm được định nghĩa lũy thừa, phân biệt được cơ số, số mũ, nắm được công thức nhân hai lũy thừa cùng cơ số. + Học sinh nắm được quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số. + Học sinh nắm được quy ước $a^0 = 1$ ($a \neq 0$). + Học sinh nắm được cách viết một số dưới dạng lũy thừa của 10. - Kĩ năng: Vận dụng kiến thức về lũy thừa tính giá trị của lũy thừa, biết nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số. Viết gọn một tích có nhiều thừa số bằng nhau bằng cách dùng lũy thừa; + Thực hiện được phép nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số (với số mũ tự nhiên). + Sử dụng MTBT để tính lũy thừa với số mũ tự nhiên. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - Năng lực: Năng lực tự học, giao	Bảng bình phương của một số tự nhiên, thước kẻ		Cả 3 bài §7. Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số Luyện tập §8. Chia hai lũy thừa cùng cơ số	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “<i>Lũy thừa với số mũ tự nhiên. Nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số</i>”. 1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên 2. Nhân hai lũy thừa cùng cơ số 3. Chia hai lũy thừa cùng cơ số.

			tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề.				
13	15	§9. Thứ tự thực hiện các phép tính	Kiến thức: Học sinh biết được quy ước về thứ tự thực hiện phép tính trong một biểu thức: Đối với biểu thức không có dấu ngoặc: Lũy thừa -> Nhân và chia -> Cộng và trừ - Đối với biểu thức có dấu ngoặc: () -> [] -> { } - Kĩ năng Vận dụng qui ước về thứ tự thực hiện phép tính để tính đúng giá trị biểu thức. + Vận dụng qui ước về thứ tự thực hiện phép tính để tính đúng giá trị biểu thức. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ - NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Bảng phụ ghi thứ tự thực hiện phép tính, bài tập, thước kẻ			
14	16	Luyện tập	KT: Học sinh biết áp dụng các tính chất và quy ước về thứ tự thực hiện các phép tính để giải các dạng bài tập. - Kĩ năng: Vận dụng qui ước về thứ tự thực hiện phép tính để tính đúng giá trị biểu thức. + Vận dụng qui ước về thứ tự thực hiện phép tính để tính đúng giá trị biểu thức. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			

			đề, tư duy, tính toán.				
15	17	Luyện tập (tt) – KT 15 phút	KT: Học sinh biết áp dụng các tính chất và quy ước về thứ tự thực hiện các phép tính để giải các dạng bài tập. - Kĩ năng: Vận dụng qui ước về thứ tự thực hiện phép tính để tính đúng giá trị biểu thức. + Vận dụng qui ước về thứ tự thực hiện phép tính để tính đúng giá trị biểu thức. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán. tính đúng giá trị của biểu thức.	MTBT, thước kẻ			
16	18	§10. Tính chất chia hết của một tổng	KT: - Học sinh nắm được các tính chất chia hết của một tổng, một hiệu. Biết vận dụng tính chia hết của một tổng, một hiệu để xác định một tổng, một hiệu có chia hết cho một số đã cho hay không. - KN: Sử dụng các ký hiệu: $\vdots$ và $\nmid$; + Vận dụng các tính chất chia hết của một tổng, một hiệu để xác định một tổng một hiệu có chia hết cho một số đã cho hay không Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Máy chiếu, thước kẻ			
17	19	Chủ đề: Dấu hiệu chia hết: §11. Dấu hiệu chia hết	KT: Học sinh nắm vững được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 và hiểu được cơ sở lý luận của các dấu hiệu	Máy chiếu, thước kẻ	- Giấy dì		

		cho 2, cho 5	đó. - KN: Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 để xác định một số, một tổng, một hiệu có chia hết cho 2, cho 5 hay không. + Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 để áp dụng vào các bài toán mang tính thực tế. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.				
18	20	Chủ đề: Dấu hiệu chia hết: §12. Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9	KT: : Học sinh nắm được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 và hiểu được cơ sở lý luận của các dấu hiệu đó. - KN : Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 3 và cho 9 để xác định một số, một tổng, một hiệu có chia hết cho 3, cho 9 hay không. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Máy chiếu, thước kẻ		Bài tập 110	Khuyến khích học sinh tự làm
19	21	Chủ đề: Dấu hiệu chia hết: Luyện tập vận dụng	KT: Học sinh nắm vững được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 và biết nhận dạng theo yêu cầu của bài toán. - KN: Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 để xác định một số, một tổng, một hiệu có chia hết cho 2, cho 5 hay không. + Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 để áp dụng vào các bài toán mang tính thực tế. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái,	PHT, thước kẻ			

			trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.				
20	22	Chủ đề: Dấu hiệu chia hết: Luyện tập (Tổng kết chủ đề)	KT: Học sinh hiểu và vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 và biết nhận dạng theo yêu cầu của bài toán.. - KN : Vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 3 và cho 9 để xác định một số, một tổng, một hiệu có chia hết cho 3, cho 9 hay không. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			
21	23	§13. Ước và bội	KT: - Học sinh nắm vững định nghĩa ước và bội của một số, kí hiệu tập hợp các ước, các bội của một số. - HS biết kiểm tra một số có hay không là ước hoặc là bội của một số cho trước, biết cách tìm ước và bội của một số cho trước trong trường hợp đơn giản. - KN: Kiểm tra được một số có là ước/ bội của một số cho trước hay không; + Tìm được ước, bội của một số cho trước trong các trường hợp đơn giản. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Bảng phụ bài 113, MTBT, thước kẻ			
22	24	§14. Số nguyên tố.	KT: - HS nắm được định nghĩa số	Bảng phụ ghi			

		Hợp số. Bảng số nguyên tố	nguyên tố, hợp số. - Học sinh biết nhận ra một số là số nguyên tố hay hợp số trong các trường hợp đơn giản. - Hiểu cách lập bảng số nguyên tố; thuộc 10 số nguyên tố đầu tiên, - Học sinh biết vận dụng hợp lý các kiến thức về chia hết đã học để nhận biết một hợp số. - KN: Học sinh biết vận dụng hợp lý các kiến thức về chia hết đã học để nhận biết một hợp số. + Biết cách chứng tỏ một số là số nguyên tố hay hợp số. + Biết vận dụng hợp lý các kiến thức về số nguyên tố, hợp số để giải bài toán thực tế. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	sẵn các số tự nhiên từ 2 đến 100, thước kẻ		Bài tập 123	Khuyến khích học sinh tự làm
23	25	Luyện tập	KT: - Củng cố kiến thức về số nguyên tố, hợp số. Biết vận dụng các kiến thức về chia hết đã học để nhận biết được một số là số nguyên tố hay hợp số. - Biết cách chứng tỏ một số là số nguyên tố hay hợp số. - Biết vận dụng hợp lý các kiến thức về số nguyên tố, hợp số để giải bài toán thực tế. - KN : Học sinh biết vận dụng hợp lý các kiến thức về chia hết đã học để nhận biết một hợp số. + Biết cách chứng tỏ một số là số nguyên tố hay hợp số.	Bảng phụ ghi nội dung bài 51, 53, 56 (tr58-59 - SGK), phiếu học tập bài 55(tr58-SGK), thước kẻ			

			+ Biết vận dụng hợp lí các kiến thức về số nguyên tố, hợp số để giải bài toán thực tế. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.				
24	26	§15. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	KT: - Học sinh hiểu thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Học sinh nắm vững cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo cột dọc. Biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích. - KN: Biết cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Máy chiếu, thước kẻ			
25	27	Luyện tập	KT:- Học sinh được củng cố, khắc sâu kiến thức về phân tích một số ra thừa số nguyên tố. Học sinh dựa vào việc phân tích một số ra thừa số nguyên tố, tìm được các ước của số cho trước, giải một số bài toán có liên quan đến việc tìm ước. - KN: Biết cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	PHT, thước kẻ			
26	28	Ôn tập giữa học kì I	KT: Học sinh ôn tập các kiến thức	Máy chiếu,			

			đã học về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia và nâng lên lũy thừa. Ôn tập kỹ các kiến thức đã học về tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9; số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - KN: Rèn kỹ năng làm các dạng bài tập thực hiện phép tính, tìm số chưa biết. Kỹ năng sử dụng dấu hiệu chia hết, số nguyên tố để giải quyết bài toán. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	thước kẻ			
27	29+30	Kiểm tra giữa học kì I (Cả số học và hình học)	KT: Kiểm tra kiến thức cơ bản, trọng tâm về tập hợp, lũy thừa với số mũ tự nhiên và thứ tự thực hiện các phép tính. Các kiến thức đã học về tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9; số nguyên tố, hợp số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Kiểm tra các kiến thức về: điểm, đường thẳng, tia, trung điểm của đoạn thẳng - Kĩ năng: Rèn khả năng tư duy. Rèn kỹ năng tính toán, chính xác, hợp lý. + Kỹ năng trình bày bài giải rõ ràng, rành mạch. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, năng lực tính toán,	Đề, đáp án, biểu điểm			

			giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, tính toán.				
28	31	§16. Ước chung và bội chung	KT: - Biết được định nghĩa ước chung, bội chung, hiểu được khái niệm "Giao của 2 tập hợp" - Biết tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số, biết sử dụng ký hiệu giao của hai tập hợp. - KN: Biết tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số, biết sử dụng ký hiệu giao của hai tập hợp. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Máy chiếu, thước kẻ			
29	32	Luyện tập	KT: Học sinh được củng cố và khắc sâu các kiến thức về ƯC, BC của hai hay nhiều số. Vận dụng kiến thức về ƯC, BC làm các dạng bài tập. - KN: Biết tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số, biết sử dụng ký hiệu giao của hai tập hợp. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	PHT, thước kẻ			
30	33	§17. Ước chung lớn nhất	KT: - Học sinh nắm được khái niệm ƯCLN của 2 hay nhiều số. - Học sinh biết tìm được ƯCLN của hai hay nhiều số trong trường hợp đơn giản. Từ đó biết cách tìm ƯC của hai hay nhiều số. - KN: Học sinh biết tìm được ƯCLN của hai hay nhiều số trong	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			

			trường hợp đơn giản. Từ đó biết cách tìm ƯC của hai hay nhiều số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.				
31	34	Luyện tập	KT: Học sinh được củng cố cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số, biết cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN. - KN: Học sinh biết tìm được ƯCLN của hai hay nhiều số trong trường hợp đơn giản. Từ đó biết cách tìm ƯC của hai hay nhiều số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	PHT, thước kẻ			
32	35	Luyện tập	KT: HS được củng cố kiến thức về tìm ƯCLN của hai hay nhiều số, tìm ƯC thông qua ƯCLN. - KN: Học sinh biết tìm được ƯCLN của hai hay nhiều số trong trường hợp đơn giản. Từ đó biết cách tìm ƯC của hai hay nhiều số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			
33	36	§18. Bội chung nhỏ nhất	KT: Học sinh nắm được khái niệm BCNN của hai hay nhiều số, cách tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra TSNT, cách tìm bội BC thông qua BCNN.	Bảng phụ để so sánh hai qui tắc, thước kẻ	-		

			- KN: biết cách tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra TSNT, cách tìm bội BC thông qua BCNN. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán.				
34	37	Luyện tập	KT: Học sinh được củng cố cách tìm BCNN của hai hay nhiều số, biết cách tìm BC thông qua tìm BCNN. - KN: HS biết tìm BCNN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố, từ đó biết cách tìm các BC của hai hay nhiều số thông qua BCNN. HS biết vận dụng tìm BC, BCNN trong các bài toán thực tế đơn giản. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán	thước kẻ	- Đoàn kết - Hợp tác - Trách nhiệm Hạnh Phúc		
Chương II: SỐ NGUYÊN							
35	38	§1. Làm quen với số nguyên âm	KT: HS biết được nhu cầu cần thiết phải mở rộng tập $\mathbb{N}$. Nhận biết và đọc đúng các số nguyên âm qua các ví dụ thực tiễn. Biết cách biểu diễn các số tự nhiên và các số nguyên âm trên trục số. - KN: Nhận biết và đọc đúng các số nguyên âm qua các ví dụ thực tiễn; + Biểu diễn được các số tự nhiên và số nguyên âm trên trục số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ	Máy chiếu, thước kẻ	TÍCH HỢP: + Môn vật lý: <i>Biết sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ.</i> + Môn địa lý: * <i>Bảng nhiệt độ của một số thành phố.</i> * <i>Độ cao trung bình của cao nguyên Đắc Lắc.</i> * <i>Độ cao của dãy vịnh Cam Ranh.</i>		

			NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.		* <i>Độ cao của núi Phan-xi-păng.</i> * <i>Độ cao đỉnh núi Everet, đáy vịnh Marian.</i> +Môn lịch sử: Bài tập 3 (SGK – tr68) biết thời gian trước công nguyên. Biết được nhà toán học Pi- ta –go sinh năm nào. + Môn thể dục: Bài tập 3 (SGK – tr68) giúp học sinh biết được “Thể vận hội đầu tiên diễn ra vào năm nào”. + Môn sinh học: Năm 2014 do biến đổi khí hậu, ở Lào cai nhiệt độ xuống dưới 0°C làm ách tắc giao thông, thiệt hại về hoa màu và vật nuôi, học sinh sử dụng kiến thức sinh học để liên hệ: “ HS làm gì để bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu”.		
36	39	§2. Tập hợp các số nguyên	KT: HS biết được tập hợp số nguyên bao gồm các số nguyên dương, số 0 và các số nguyên âm. HS bước đầu hiểu được có thể dùng số nguyên để nói về các đại lượng có hai hướng ngược nhau.	Bảng phụ H38, 40 hình vẽ trục số nằm ngang, trục số thẳng			

			- KN: Phân biệt được số nguyên âm, số 0 và số nguyên dương; + Tìm số đối của một số nguyên. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	đứng			
37	40	§3. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	KT: HS nắm được cách so sánh hai số nguyên. Tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên. - KN: HS được vận dụng , tìm tòi , mở rộng cách so sánh hai số nguyên, tập hợp số nguyên, cách tìm số đối của một số, số liền trước, liền sau của một số nguyên. HS tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	hình vẽ 1 trục số nằm ngang, thước kẻ			
38	41	Luyện tập – KT 15 phút	KT: HS được vận dụng , tìm tòi , mở rộng cách so sánh hai số nguyên, tập hợp số nguyên, cách tìm số đối của một số, số liền trước, liền sau của một số nguyên. HS tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên - KN: HS được vận dụng , tìm tòi , mở rộng cách so sánh hai số nguyên, tập hợp số nguyên, cách tìm số đối của một số, số liền trước, liền sau của một số nguyên. HS tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên Phẩm chất: Trung thực, nhân ái,	PHT, thước kẻ			

			trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.				
39	42	§4. Cộng hai số nguyên cùng dấu	KT: HS biết cộng hai số nguyên cùng dấu. HS bước đầu hiểu rằng có thể dùng số nguyên để biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng. Bước đầu có ý thức liên hệ những điều đã học với thực tiễn - KN: HS biết cộng hai số nguyên cùng dấu dựa vào trục số, dựa vào quy tắc. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	hình vẽ trục số, thước kẻ			
40	43	§5. Cộng hai số nguyên khác dấu	KT: HS biết cộng hai số nguyên cùng dấu. HS bước đầu hiểu rằng có thể dùng số nguyên để biểu thị sự thay đổi theo hai hướng ngược nhau của một đại lượng. Bước đầu có ý thức liên hệ những điều đã học với thực tiễn - KN: HS vận dụng quy tắc để cộng hai số nguyên khác dấu. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Bảng phụ vẽ trục số, thước kẻ		Mục 2. Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu không đổi nhau (dòng 13 đến dòng 15 từ trên xuống).	Trình bày Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu không đổi nhau như sau: <i>Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đổi nhau ta thực hiện ba bước sau:</i> <i>Bước 1: Tìm giá trị tuyệt đối của mỗi số.</i> <i>Bước 2: Lấy số lớn trừ đi số nhỏ (trong hai số vừa tìm được).</i> <i>Bước 3: Đặt dấu</i>

							<i>của số có giá trị tuyệt đối lớn hơn trước kết quả tìm được.</i>
41	44	Luyện tập	KT.: Hiểu rõ quy tắc cộng hai số nguyên. HS bước đầu hiểu rằng có thể dùng số nguyên để biểu thị sự tăng hoặc giảm của một đại lượng. HS bước đầu hiểu rằng có thể dùng số nguyên để biểu thị sự tăng hoặc giảm của một đại lượng - KN: Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng trình bày. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Máy chiếu, thước kẻ			
42	45	§6. Tính chất của phép cộng các số nguyên	KT: HS nắm được bốn tính chất của phép cộng các số nguyên . Hiểu được và có ý thức vận dụng các tính chất cơ bản để tính nhanh và hợp lý. Biết tính đúng tổng của nhiều số nguyên - KN: Rèn kỹ vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng để tính nhanh và tính toán hợp lý. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	thước kẻ			
43	46	Luyện tập	KT: HS biết vận dụng các tính chất của phép cộng các số nguyên để tính đúng, nhanh các tổng, rút gọn biểu thức.Tiếp tục Vận dụng , tìm tòi , mở rộng kỹ năng tìm số	MTBT, thước kẻ			

			đôi, giá trị tuyệt đối của một số nguyên. Biết tính đúng tổng của nhiều số nguyên - KN: Vận dụng quy tắc cộng hai số nguyên âm(cùng dấu, khác dấu) một cách thành thạo Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.				
44	47	§7. Phép trừ hai số nguyên	KT: Nắm được phép trừ trong Z. Biết tính đúng hiệu của hai số nguyên. Vận dụng linh hoạt các kiến thức đã được học vào giải BT. - KN: HS vận dụng quy tắc để trừ hai số nguyên. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			
45	48	Luyện tập	KT: Hiểu và ghi nhớ phép cộng và phép trừ các số nguyên. Vận dụng linh hoạt các kiến thức đó được học vào giải bài tập . Rèn kỹ năng cộng, trừ hai hay nhiều số nguyên. - KN: HS vận dụng quy tắc trừ hai số nguyên một cách thành thạo Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	PHT, thước kẻ			
46	49	§8. Quy tắc dấu ngoặc	KT: Hiểu, biết và vận dụng được quy tắc dấu ngoặc (bỏ dấu ngoặc và	Bảng phụ ghi bài tập, thước			

			cho số hạng vào trong dấu ngoặc) HS biết khái niệm tổng đại số, viết gọn và các phép biến đổi trong tổng đại số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	kẻ			
47	50	Luyện tập	KT. Vận dụng , tìm tòi , mở rộng và khắc sâu quy tắc dấu ngoặc (bỏ dấu ngoặc và cho số hạng vào trong dấu ngoặc) Vận dụng được tổng hợp các kiến thức đã học vào giải bài tập. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	PHT, thước kẻ			
48	51	§9. Quy tắc chuyển vế	KT: HS hiểu biết và vận dụng đúng các tính chất của đẳng thức + Nếu $a = b$ thì $a + c = b + c$ và ngược lại + Nếu $a = b$ thì $b = a$. Hiểu quy tắc chuyển vế: khi chuyển một số hạng của một đẳng thức từ vế này sang vế kia, ta phải đổi dấu của số hạng đó. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	1 chiếc cân bàn, 2 quả cân và 2 nhóm đồ vật có khối lượng bằng nhau (táo, lê, đào, sắn, bông...), thước kẻ		Bài tập 64, 65	Không yêu cầu
49	52	Luyện tập	KT: HS hiểu biết và vận dụng đúng các tính chất của đẳng thức Hiểu quy tắc chuyển vế: khi	PHT, thước kẻ		Bài tập 72	Khuyến khích học sinh tự làm

			chuyển một số hạng của một đẳng thức từ vế này sang vế kia, ta phải đổi dấu của số hạng đó. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.				
50	53	Ôn tập học kỳ I	KT: Ôn tập có hệ thống về số phần tử của một tập hợp, tập hợp con, lũy thừa với số mũ tự nhiên, nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số, tìm ƯC, ƯCLN, BC, BCNN Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Máy chiếu, thước kẻ			
51	54	Ôn tập học kỳ I (tt)	KT: Ôn tập các kiến thức cơ bản về tập hợp, thứ tự trong N, trong Z. Ôn lại và ghi nhớ các quy tắc: Lấy giá trị tuyệt đối của một số nguyên, cộng trừ hai số nguyên, các tính chất của phép cộng trong Z. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Máy chiếu, thước kẻ			
52,5 3	55, 56	Kiểm tra học kỳ I (Số học và Hình học)	Kiến thức: HS biết tổng hợp các kiến thức, kĩ năng đã có về số tự nhiên, số nguyên để lập luận, giải quyết các dạng BT có liên quan. - Kiểm tra mức độ nắm và vận dụng kiến thức cơ bản chương I: Điểm, đường thẳng, tia. Ba điểm thẳng hàng. Đường thẳng đi qua hai	Đề, đáp án, biểu điểm			

			điểm. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Khi nào $AM+MB=AB$. Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài. Trung điểm của đoạn thẳng Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học.				
54	57	Trả bài kiểm tra học kỳ I (Số học)	KT: Vận dụng , tìm tòi , mở rộng các kiến thức cơ bản trong học kì I. - Nhận xét chất lượng bài kiểm tra. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Nhận xét bài Hs			

PHÂN HÌNH HỌC (15 tiết)

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Nội dung điều chỉnh	Hướng dẫn thực hiện
		Chương I: Điểm, đường thẳng					
1	1	§1. Điểm. Đường thẳng	KT: Học sinh nắm được hình ảnh của điểm, hình ảnh của đường thẳng. Biết các khái niệm điểm thuộc đường thẳng, không thuộc đường thẳng. - KN: Biết vẽ điểm, đường thẳng + Biết đặt tên cho điểm, đường thẳng + Biết dùng các kí hiệu điểm, đường thẳng, kí hiệu $\in, \notin$.	Bảng phụ, thước kẻ			

			Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ và công cụ vẽ hình.				
2	2	§2. Ba điểm thẳng hàng	KT: Học sinh hiểu được thế nào là ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm; trong ba điểm thẳng hàng có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại KN: Biết vẽ ba điểm thẳng hàng Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL Năng lực tính toán, năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề	Máy chiếu, thước kẻ			
3	3	§3. Đường thẳng đi qua hai điểm	KT: Học sinh hiểu được có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. Biết vị trí tương đối giữa hai đường thẳng: cắt nhau, song song, trùng nhau. KN: HS biết vẽ đường thẳng đi qua hai điểm, đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau. + HS phân biệt được vị trí tương đối của đường thẳng trên mặt phẳng. + HS vẽ hình chính xác đường thẳng đi qua hai điểm. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ	Máy chiếu, thước kẻ			
4	4	§4. Thực hành trồng cây thẳng hàng	KT: Học sinh củng cố khái niệm ba điểm thẳng hàng, đường thẳng,	Cọc tiêu, dây dọi	- Đoàn kết - Hợp tác		

			điểm thuộc đường thẳng. - KN: Dựng ba điểm thẳng hàng để dựng các cọc thẳng hàng. Đo đạc thực tế Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL Năng lực chuyên biệt: giải quyết các vấn đề, lập luận logic toán học, sử dụng dụng cụ thực hành.		- Trách nhiệm - Tôn trọng		
5	5	§5. Tia	KT: Biết được định nghĩa, mô tả tia bằng các cách khác nhau. Biết thế nào là hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau. - KN: HS có kỹ năng phân biệt tia và đường thẳng, hai tia đối nhau, trùng nhau, cách gọi và đặt tên các tia. + Biết vẽ hình theo cách diễn tả bằng lời. + Biết vẽ tia đối nhau, nhận dạng sự khác nhau giữa tia và đường thẳng Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực tính toán, tư duy, giao tiếp, hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.	Bảng phụ, thước kẻ			
6	6	Luyện tập	KT: Học sinh được củng cố khái niệm tia, hiểu kỹ hơn về hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau. - KN: HS có kỹ năng phân biệt tia và đường thẳng, hai tia đối nhau, trùng nhau, cách gọi và đặt tên các tia. + Biết vẽ hình theo cách diễn tả bằng lời.	PHT, thước kẻ			

			+ Biết vẽ tia đối nhau, nhận dạng sự khác nhau giữa tia và đường thẳng Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết các vấn đề toán học trong thực tiễn cuộc sống, lập luận logic toán học, sử dụng công cụ vẽ hình.				
7	7	§6. Đoạn thẳng	KT: Biết khái niệm đoạn thẳng. - Hiểu đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường thẳng - KN: HS biết vẽ đoạn thẳng, đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, đoạn thẳng cắt tia, đoạn thẳng cắt đường thẳng. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực: giải quyết các vấn đề toán học trong thực tiễn cuộc sống, lập luận logic toán học, sử dụng công cụ vẽ hình.	Bảng phụ, thước kẻ			
8	8	§7. Độ dài đoạn thẳng	KT: Học sinh hiểu khái niệm độ dài đoạn thẳng. Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng. Biết một số dụng cụ đo độ dài đoạn thẳng - KN: HS biết sử dụng thước đo độ dài để đo đoạn thẳng + HS biết so sánh hai đoạn thẳng. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực tính toán, năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác	thước thẳng có chia khoảng, MTBT			(Lưu ý phần 1. Đo đoạn thẳng - Đã dạy ở bài 1 môn Vật lí lớp 6 nên chỉ cần nhắc lại cách đo độ dài đoạn thẳng)
9	9	§8. Khi nào $MA+MB=AB$	KT: Học sinh hiểu được nếu điểm M nằm giữa 2 điểm A và B thì AM	Máy chiếu, thước kẻ,			

			+ MB = AB. - KN: Vận dụng hệ thức AM + MB = AB để tính độ dài một đoạn thẳng. + Rèn kĩ năng nhận biết một điểm có nằm giữa hai điểm khác hay không. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực tính toán, năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, sử dụng công cụ vẽ hình, tính chính xác khi đo đạc.	MTBT			
10	10	Luyện tập	KT: Khắc sâu kiến thức: Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì AM + MB = AB và ngược lại qua một số bài tập . - KN: Vận dụng hệ thức AM + MB = AB để tính độ dài một đoạn thẳng. + Rèn kĩ năng nhận biết một điểm có nằm giữa hai điểm khác hay không. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực chung: năng lực tính toán, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo. Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.	PHT, thước kẻ			
11	11	§9. Về đoạn thẳng cho biết độ dài	KT: Học sinh nắm vững kiến thức: Trên tia Ox có 1 và chỉ 1 điểm M sao cho OM = m (đơn vị đo độ dài) ($m > 0$). - Trên tia Ox, nếu OM = a; ON = b	thước thẳng có chia khoảng			

			(a, b là đơn vị đo độ dài) và $0 < a < b$ thì M nằm giữa O và N. - KN: Biết áp dụng các kiến thức trên và giải bài tập chứng tỏ điểm nằm giữa và tính độ dài đoạn thẳng. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Suy luận, sử dụng ngôn ngữ toán học, giải quyết các vấn đề toán học, lập luận logic toán học, sử dụng công cụ vẽ hình.				
12	12	STEM: Dự án thiết kế cầu bập bênh Chủ đề: Trung điểm của đoạn thẳng	KT : Hiểu trung điểm của đoạn thẳng là gì. Biết và phát biểu được định nghĩa trung điểm của một đoạn thẳng. Biết diễn tả trung điểm một đoạn thẳng bằng các cách khác nhau. Mô tả được cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của cầu bập bênh. Áp dụng kiến thức hình học vào thực tiễn cuộc sống, ghi chép xác định hiện tượng trong quá trình làm nghiên cứu; - KN: HS biết vẽ trung điểm của một đoạn thẳng, nhận biết được một điểm là trung điểm của một đoạn thẳng. Vẽ được bản thiết kế cầu bập bênh. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ NL. năng lực tính toán, năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,	Máy chiếu, thước kẻ, MTBT			
13	13	STEM: Dự án thiết kế cầu bập bênh Chủ đề: Trung điểm của đoạn thẳng	KT: hệ thống kiến thức, kỹ năng liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học theo cách tiếp cận liên môn	Máy chiếu, thước kẻ			

			(interdisciplinary) và học sinh có thể áp dụng để giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày có ứng dụng trung điểm của đoạn thẳng. - KN: Rèn kỹ năng sử dụng thành thạo thước thẳng, thước chia khoảng , com pa để đo vẽ đoạn thẳng. Chế tạo được cầu bập bênh theo bản thiết kế; Trình bày, bảo vệ được ý kiến của mình và phản biện ý kiến của người khác; Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực tính toán, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực suy luận, năng lực sử dụng ngôn ngữ (kí hiệu, công thức) toán học.				
14	14	Ôn tập học kì I	KT: Ôn tập các kiến thức cơ bản chương I: Điểm, đường thẳng, tia. Ba điểm thẳng hàng. Đường thẳng đi qua hai điểm. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Khi nào $AM+MB=AB$. Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài. Trung điểm của đoạn thẳng - KN: Rèn kỹ năng tính toán, vẽ hình chính xác, hợp lý. + Kỹ năng trình bày bài giải rõ ràng, rành mạch. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, tư duy sáng tạo , sử dụng ngôn ngữ. Phát huy năng	Máy chiếu, thước kẻ			

			lực tính toán, năng lực tư duy.				
15	15	Trả bài kiểm tra học kì I (hình học)	KT: củng cố kiến thức, dạng bài tập trong chương trình học kỳ I - KN: Vận dụng, tìm tòi, mở rộng các kiến thức cơ bản trong học kỳ I. - Nhận xét chất lượng bài kiểm tra. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác.	Nhận xét bài Hs			

II. Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

PHẦN SỐ HỌC: 54 tiết

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Nội dung điều chỉnh	Hướng dẫn thực hiện
55	58	Chủ đề: Phép nhân hai số nguyên §10. Nhân hai số nguyên khác dấu	KT: HS nắm được quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu, tương tự như phép nhân hai số tự nhiên: Thay phép nhân bằng phép cộng các số hạng bằng nhau. HS tìm được kết quả phép nhân hai số nguyên khác dấu. Hiểu quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu. Tìm đúng tích của hai số nguyên khác dấu KN: Tìm đúng tích của hai số nguyên khác dấu. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ	- Trung thực - Trách nhiệm - Hạnh Phúc		
56	59	Chủ đề: Phép nhân hai	KT: HS biết dự đoán trên cơ sở	Bảng phụ			

		số nguyên §11. Nhân hai số nguyên cùng dấu	tìm ra quy luật thay đổi của một loạt các hiện tượng giống nhau liên tiếp. HS nắm quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu. Tính đúng tích của hai số nguyên cùng dấu KN: Tìm đúng tích của hai số nguyên cùng dấu. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	ghi bài tập, thước kẻ			
57	60	Chủ đề: Phép nhân hai số nguyên Luyện tập	KT: củng cố và khắc sâu quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu. Tính đúng tích của hai số nguyên đặc biệt chú ý đến quy tắc dấu - KN: Tính đúng tích của hai số nguyên đặc biệt chú ý đến quy tắc dấu Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	MTBT, thước kẻ			
58	61	Bài12. Tính chất của phép nhân	KT: củng cố và khắc sâu quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu. Tính đúng tích của hai số nguyên đặc biệt chú ý đến quy tắc dấu - KN: Biết vận dụng các tính chất cơ bản của phép nhân để tính đúng, tính nhanh các giá trị của biểu thức, xác định dấu của tích	Máy chiếu, thước kẻ			

			nhiều số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.				
59	62	Luyện tập	KT: Củng cố và khắc sâu tính chất của phép nhân, nhận xét của phép nhân nhiều số, phép nâng lên lũy thừa. Biết vận dụng các tính chất cơ bản của phép nhân để tính đúng, tính nhanh các giá trị của biểu thức, xác định dấu của tích nhiều số. - KN: Biết vận dụng các tính chất cơ bản của phép nhân để tính đúng, tính nhanh các giá trị của biểu thức, xác định dấu của tích nhiều số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	PHT, thước kẻ			
60	63	§13. Bội và ước của một số nguyên	KT: HS nắm được các khái niệm bội và ước của một số nguyên, khái niệm ‘chia hết cho’. Nắm được 3 tính chất liên quan với khái niệm “chia hết cho”. Biết bội và ước của một số nguyên - KN: Biết tìm bội và ước của một số nguyên. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái,	Máy chiếu, thước kẻ			

			trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.				
61	64	Ôn tập chương II	KT: Hệ thống kiến thức về thứ tự trong tập hợp số nguyên., giá trị tuyệt đối của số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân các số nguyên, tính chất của phép cộng, phép nhân các số nguyên. KN: Vận dụng được các kiến thức đã học vào bài tập. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Máy chiếu, thước kẻ			
62	65	Ôn tập chương II (tt)	KT: - Hệ thống kiến thức về thứ tự trong tập hợp số nguyên, giá trị tuyệt đối của số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân các số nguyên, tính chất của phép cộng, phép nhân các số nguyên, bội và ước các số nguyên. KN: Vận dụng được các kiến thức đã học vào bài tập. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	Máy chiếu, thước kẻ		Bài tập 112, 121	Khuyến khích học sinh tự làm
Chương III: Phân số							
63	66-67	Mở rộng khái niệm	KT: HS nắm được sự giống và	Bảng phụ		Bài tập 2	Không yêu cầu

		phân số. Phân số bằng nhau	khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở Tiểu học và khái niệm phân số học ở lớp 6. Viết được các phân số mà tử và mẫu là các số nguyên. Thấy được số nguyên cũng được coi là phân số với mẫu số là 1. - Nắm vững định nghĩa phân số bằng nhau. - KN: Viết được các phân số mà tử và mẫu là các số nguyên. Áp dụng tính chất phân số bằng nhau vào làm các bài tập.. + Có kĩ năng nhận biết hai phân số bằng nhau. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ . NL: Năng lực học tập, giải quyết vấn đề, tự quản lý và phát triển bản thân, hợp tác và giao tiếp.	ghi bài tập, thước kẻ		Cả 2 bài §1. Mở rộng khái niệm phân số. §2. Phân số bằng nhau	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “<i>Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau</i>” 1. Khái niệm phân số 2. Phân số bằng nhau
64	68	§3. Tính chất cơ bản của phân số	KT: Nắm vững tính chất cơ bản của phân số. Bước đầu có khái niệm về số hữu tỉ. - KN: Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để giải một số bài đơn giản, viết một phân số có mẫu âm thành phân số bằng nó và có mẫu dương. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán.	Bảng phụ ghi tính chất, thước kẻ	- Yêu thương - Trách nhiệm		
65	69	§4. Rút gọn phân số	KT: HS hiểu thế nào là rút gọn	Máy chiếu,			Chỉ nêu chú ý thứ

			phân số và biết cách rút gọn phân số. - KN: HS biết cách rút gọn phân số, HS luôn có ý thức viết một phân số phải dưới dạng phân số tối giản.. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tính toán.	thước kẻ		Nội dung “Chú ý”	ba: <i>Khi rút gọn phân số, ta thường rút gọn phân số đó đến tối giản.</i>
66	70	Luyện tập	KT: củng cố định nghĩa phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân số, phân số tối giản. - KN: HS biết cách rút gọn phân số, HS luôn có ý thức viết một phân số phải dưới dạng phân số tối giản.. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, tính toán, hợp tác	PHT, thước kẻ			
67	71	Luyện tập – KT 15 phút	KT: củng cố định nghĩa phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân số, phân số tối giản. - KN: HS biết cách rút gọn phân số, HS luôn có ý thức viết một phân số phải dưới dạng phân số tối giản.. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, tính toán, hợp tác	PHT, thước kẻ			

68	72	§5. Quy đồng mẫu nhiều phân số	KT:Củng cố định nghĩa phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân số, phân số tối giản. - KN: Có kỹ năng qui đồng mẫu các phân số (các phân số này có mẫu không quá 3 chữ số) Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác	Bảng phụ quy tắc, thước kẻ		Bài tập 36	Tự học có hướng dẫn
69	73	Luyện tập	KT:HS hiểu thế nào là quy đồng mẫu nhiều phân số, nắm được các bước tiến hành quy đồng mẫu nhiều phân số. - KN: Có kỹ năng qui đồng mẫu các phân số (các phân số này có mẫu không quá 3 chữ số) Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác	PHT, thước kẻ			
70	74	§6. So sánh phân số	KT:Hiểu và vận dụng được qui tắc so sánh hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu, nhận biết được phân số âm, dương. - KN: Có kỹ năng viết các phân số đã cho dưới dạng các phân số có cùng mẫu dương để so sánh phân số đó. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác	Bảng phụ ghi bài tập, quy tắc so sánh phân số, thước kẻ	Tự do Hạnh phúc	Bài tập 40	Tự học có hướng dẫn

71	75-78	§. Phép cộng phân số	KT: Nắm vững và vận dụng tốt quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu, không cùng mẫu. HS biết các tính chất cơ bản của phép cộng phân số: Giao hoán, kết hợp, cộng với số 0. - KN: Rèn kỹ năng cộng hai phân số chính xác. + Vận dụng được các tính chất cơ bản của phép cộng phân số để tính được hợp lý, nhất là khi cộng nhiều phân số. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác	Máy chiếu, thước kẻ	- Giảm đi - Trách nhiệm	Bài tập 53	Tự học có hướng dẫn
						Cả 3 bài §7. Phép cộng phân số §8. Tính chất cơ bản của phép cộng phân số Luyện tập	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “ <i>Phép cộng phân số</i> ” 1. Cộng hai phân số cùng mẫu 2. Cộng hai phân số không cùng mẫu 3. Tính chất cơ bản của phép cộng phân số
72	79	§9. Phép trừ phân số	KT: HS nắm được khái niệm số đối của một phân số để vận dụng vào phép trừ phân số. Nắm được qui tắc trừ hai phân số bằng cách đưa về phép cộng để tính - KN: Học sinh biết trừ hai phân số thành thạo, vận dụng được quy tắc trừ hai phân số trong giải toán và áp dụng vào thực tế cuộc sống. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, suy luận, tính toán, sử dụng ngôn ngữ toán học.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ		Mục 2. Nội dung “Nhận xét”	Khuyến khích học sinh tự đọc
73	80	Luyện tập	KT: củng cố kiến thức đã học về phép trừ phân số. - KN: Học sinh biết trừ hai phân số thành thạo, vận dụng được quy tắc trừ hai phân số trong giải toán và áp dụng vào thực tế cuộc sống.	PHT, thước kẻ	- Yêu thương - Trách nhiệm		

			Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ toán học, sử dụng công cụ tính toán.				
74	81-84	§. Phép nhân phân số	KT: HS nắm được qui tắc nhân hai phân số bằng cách lấy tử nhân tử, mẫu nhân mẫu. - HS biết các TCCB của phép nhân phân số: giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. - KN: Vận dụng được quy tắc nhân phân số, có kỹ năng nhân phân số và rút gọn phân số khi cần thiết. + Biết và vận dụng được tính chất cơ bản của phép nhân phân số vào tính nhanh. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ toán học.	Máy chiếu, thước kẻ		Cả 3 bài 10. Phép nhân phân số §11. Tính chất cơ bản của phép nhân phân số Luyện tập	Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Phép nhân phân số” 1. Quy tắc nhân hai phân số 2. Tính chất cơ bản của phép nhân phân số
75	85,86	Ôn tập giữa học kì II	KT: - Hệ thống kiến thức về thứ tự trong tập hợp số nguyên, giá trị tuyệt đối của số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân các số nguyên, tính chất của phép cộng, phép nhân các số nguyên, bội và ước các số nguyên.	Máy chiếu, thước kẻ			

			- KN: Vận dụng được các kiến thức đã học vào bài tập. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.				
76	87,88	Kiểm tra giữa học kì II	KT: Kiểm tra mức độ nắm và vận dụng kiến thức cơ bản chương II: nửa mặt phẳng, góc, tia phân giác của góc, tam giác, đường tròn - HS được kiểm tra những kiến thức đã học về: Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân các số nguyên, số đối, giá trị tuyệt đối, quy tắc dấu ngoặc, chuyển vế, các tính chất của phép cộng – nhân, bội và ước của một số nguyên. Phép cộng, trừ, nhân phân số, cách quy đồng mẫu phân số, so sánh phân số. - KN: Vận dụng được các kiến thức đã học vào bài tập. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.	Đề, đáp án, biểu điểm			
77	89	§12. Phép chia phân số	KT: Hiểu được khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một số khác 0 để vận dụng vào phép chia phân số. Nắm được qui tắc chia hai phân số bằng cách đưa về phép nhân để tính.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			

			- KN: Vận dụng được quy tắc chia hai phân số để tính toán, tìm x và giải bài toán thực tế liên quan. + Học sinh biết chia hai phân số thành thạo, vận dụng được quy tắc chia hai phân số trong giải toán và áp dụng vào thực tế cuộc sống. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ toán học.				
78	90	Luyện tập	KT: củng cố kiến thức đã học về phép chia phân số. - KN: Vận dụng được quy tắc chia hai phân số để tính toán, tìm x và giải bài toán thực tế liên quan. + Học sinh biết chia hai phân số thành thạo, vận dụng được quy tắc chia hai phân số trong giải toán và áp dụng vào thực tế cuộc sống. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ toán học.	PHT, thước kẻ			
79	91	§13. Hỗn số. Số thập phân. Phần trăm	KT: HS hiểu được các khái niệm hỗn số. Viết được phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) dưới dạng hỗn số và ngược lại. HS hiểu được các khái niệm số thập phân. Viết được phân số dưới dạng số thập phân và ngược lại. HS hiểu được các khái niệm phần trăm. Biết sử dụng ký hiệu phần	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ	- Yêu thương - Hợp tác - Trách nhiệm	Bài tập 108b; 109b, c	Khuyến khích học sinh tự làm

			trăm. - KN: Có kỹ năng viết phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) dưới dạng hỗn số và ngược lại; viết phân số dưới dạng số thập phân và ngược lại; biết sử dụng ký hiệu phần trăm. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, tính toán, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ toán học				
80	92	Luyện tập	KT: - Củng cố kiến thức đã học hỗn số, số thập phân, phần trăm. - HS biết đổi từ phân số ra hỗn số và ngược lại, biết viết các phân số dưới dạng số thập phân, dùng kí hiệu % và ngược lại. - KN: Có kỹ năng viết phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) dưới dạng hỗn số và ngược lại; viết phân số dưới dạng số thập phân và ngược lại; biết sử dụng ký hiệu phần trăm. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	PHT, thước kẻ			
81	93	Luyện tập các phép tính về phân số và số thập phân	KT: Thông qua tiết luyện tập HS được củng cố các phép tính về phân số và số thập phân. HS luôn tìm được các cách khác nhau để tính tổng (hoặc hiệu) hai hỗn số. - KN: HS tính được tổng (hoặc	Máy chiếu, thước kẻ			

			hiệu) hai hỗn số bằng nhiều cách. + HS biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo các tính chất của phép tính và quy tắc dấu ngoặc để tính giá trị biểu thức một cách nhanh nhất. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ				
82	94	Luyện tập các phép tính về phân số và số thập phân (tt)	KT: Thông qua tiết ôn tập củng cố và khắc sâu kiến thức về phép tính cộng, trừ, nhân chia phân số, số thập phân. - KN: HS tính được tổng (hoặc hiệu) hai hỗn số bằng nhiều cách. + HS biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo các tính chất của phép tính và quy tắc dấu ngoặc để tính giá trị biểu thức một cách nhanh nhất. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	Máy chiếu, thước kẻ			
83	95	§14. Tìm giá trị phân số của một số cho trước	KT: HS nhận biết và hiểu qui tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước. - KN: Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải các bài toán. + Có kỹ năng vận dụng qui tắc đó để tìm giá trị phân số của một số cho trước Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ	- Tự do - Hạnh phúc - Hòa bình	Bài tập 119	Khuyến khích học sinh tự làm

			NL: tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ				
84	96	Luyện tập	KT: HS được củng cố và khắc sâu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước. - KN: Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải các bài toán. + Có kỹ năng vận dụng quy tắc đó để tìm giá trị phân số của một số cho trước Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	PHT, thước kẻ	- Trách nhiệm - Giản dị		
85	97	Luyện tập	KT: HS được củng cố và khắc sâu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước. - KN: Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải các bài toán. + Có kỹ năng vận dụng quy tắc đó để tìm giá trị phân số của một số cho trước Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	PHT, thước kẻ	-		
86	98	§15. Tìm một số biết giá trị một phân số của nó	KT: Học sinh nhận biết và hiểu được quy tắc tìm giá trị của một số khi biết giá trị một phân số của số đó.	Máy chiếu, thước kẻ		Mục 2. Quy tắc	Thay hai từ “của nó” trong Quy tắc ở mục 2, trang 54 bằng ba từ “của số

			- KN: Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải các bài toán. + Có kỹ năng vận dụng qui tắc đó để tìm một số khi biết giá trị phân số của nó; giải bài toán thực tế. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ				đó”.
						?1 và bài tập 126,127.	Thay hai từ “của nó” trong phần dẫn bằng ba từ “của số đó”.
87	99	Luyện tập	KT : HS nắm vững hai quy tắc tìm giá trị p/s của một số và tìm một số biết giá trị p/s của nó. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	Máy chiếu, thước kẻ			
88	100	Luyện tập (tt) – KT 15 phút	KT: Học sinh được củng cố khắc sâu kiến thức về tìm một số biết giá trị phân số của nó. Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải bài toán về tìm một số biết giá trị phân số của nó. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ . NL: tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	PHT, thước kẻ			
89	101	§16. Tìm tỉ số của hai số	KT: Học sinh hiểu được tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích. - KN: Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải các bài toán.	Bảng phụ ghi bài tập, thước kẻ			

			+ Có kỹ năng vận dụng qui tắc đó để tìm tỉ số của hai số, giải bài toán thực tế Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ. NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ				
90	102	Luyện tập	KT: củng cố các kiến thức, quy tắc về tỉ số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích - KN: Biết cách sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải các bài toán. + Có kỹ năng vận dụng qui tắc đó để tìm tỉ số của hai số, giải bài toán thực tế Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	PHT, thước kẻ			
91	103	§17. Biểu đồ phần trăm	KT: HS biết đọc các biểu đồ phần trăm dạng cột, ô vuông. Biết tìm hiểu các biểu đồ phần trăm trong thực tế và dùng các biểu đồ phần trăm với các số liệu thực tế. - KN: Có kỹ năng dựng các biểu đồ phần trăm dạng cột và ô vuông Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	Máy chiếu, thước kẻ	GD kĩ năng sống	3. Biểu đồ phần trăm dưới dạng hình quạt	Không dạy
						Bài tập 152, 153	Cập nhật số liệu mới cho phù hợp

92	104	Luyện tập	KT : Củng cố cách tính tỉ số phần trăm, đọc các biểu đồ phần trăm, vẽ biểu đồ phần trăm dạng cột và dạng ô vuông. - Trên cơ sở số liệu thực tế, dựng các biểu đồ phần trăm, - KN: Có kỹ năng dựng các biểu đồ phần trăm dạng cột và ô vuông Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ . NL: Tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	PHT, thước kẻ			
93	105, 106	Ôn tập chương III	KT - HS được hệ thống lại các kiến thức trọng tâm của phân số: phân số bằng nhau, so sánh phân số, các phép tính về phân số và tính chất của phép cộng, phép nhân phân số. Hệ thống ba bài toán cơ bản về phân số. - KN: Rèn luyện các kỹ năng thực hiện các phép tính, tính nhanh, tính hợp lí. + Rèn luyện khả năng so sánh, tổng hợp cho HS. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học,tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	Máy chiếu, thước kẻ		Bài 167	Khuyến khích học sinh tự làm
94	107, 108	Ôn tập cuối học kì II	KT: - Ôn tập một số ký hiệu tập hợp $\in, \notin, \subset, \cap, \emptyset$. - Ôn tập dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 . Số nguyên tố và hợp số. Ước chung và bội chung của hai	Máy chiếu, thước kẻ		Bài tập 177, 178	Khuyến khích học sinh tự làm

			hay nhiều số. - Học sinh được hệ thống lại các kiến thức trọng tâm của phân số và ứng dụng so sánh phân số. Hệ thống ba bài toán cơ bản về phân số. - Các phép tính về phân số và tính chất. Các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa các số tự nhiên, số nguyên, phân số. - KN: Rèn luyện các kỹ năng thực hiện các phép tính, tính nhanh, tính hợp lý, các bài toán thực tế. + Rèn luyện khả năng so sánh, tổng hợp cho HS. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ				
95	109, 110	Kiểm tra học kỳ II (Số học và hình học)	KT: Kiểm tra mức độ nắm kiến thức trong học kỳ II của học sinh. - KN: Rèn luyện kỹ năng làm bài tập, kỹ năng tính toán Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ	Đề, đáp án, biểu điểm			
96	111	Trả bài kiểm tra học kỳ II (Số học)	KT Vận dụng, tìm tòi, mở rộng các kiến thức cơ bản trong học kỳ II. - Nhận xét chất lượng bài kiểm tra. - KN: Hướng dẫn HS giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh	Nhận xét bài HS			

			nghiệm để tránh những lỗi thường gặp. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ				
--	--	--	---	--	--	--	--

PHẦN HÌNH HỌC: 14 tiết

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Nội dung điều chỉnh	Hướng dẫn thực hiện
		Chương II: Góc					
16	16	§1. Nửa mặt phẳng	KT: HS hiểu về mặt phẳng, khái niệm nửa mặt phẳng bờ a, cách gọi tên của nửa mặt phẳng bờ đã cho. HS hiểu về tia nằm giữa 2 tia khác - KN : Chỉ ra được hình ảnh mặt phẳng, trong thực tế. + Phát biểu được khái niệm nửa mặt phẳng, làm quen với cách phủ nhận một khái niệm. + Nhận biết được tia nằm giữa hai tia thông qua hình vẽ. - Biết cách gọi tên nửa mặt phẳng. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ . NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác.	Máy chiếu, thước kẻ			
17	17	§2. Góc	KT: HS biết góc là gì? Góc bẹt là gì? - KN: Biết vẽ góc, đặt tên góc, kí hiệu góc. + Nhận biết được điểm nằm bên	Máy chiếu, thước kẻ			

			trong góc Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, lập luận logic toán học, sử dụng công cụ vẽ hình.				
18	18	§3. Số đo góc	KT: Công nhận mỗi góc có một số đo xác định. - Số đo của góc bẹt là 180^0. Biết định nghĩa góc vuông, góc nhọn, góc tù. - KN: Biết đo góc, so sánh hai góc. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ toán học, giải quyết các vấn đề toán học, lập luận logic toán học, sử dụng công cụ vẽ hình.	thước thẳng, thước đo góc		Bài tập 17	Khuyến khích học sinh tự làm
19	19	§5. Vẽ góc cho biết số đo	KT: HS hiểu trên nửa mặt phẳng xác định có bờ chứa tia Ox, bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một tia Oy sao cho $\angle xOy = m^0$ ($0^0 < m^0 < 180^0$). - KN: HS biết vẽ góc có số đo cho trước bằng thước thẳng và thước đo góc và biết chứng tỏ tia nằm giữa hai tia dựa vào dấu hiệu so sánh góc. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL sáng tạo, NL giao tiếp, NL hợp tác, NL sử dụng CNTT, NL sử dụng ngôn ngữ.	thước thẳng thước đo góc			Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập của hai bài trên trong SGK phù hợp với kiến thức được học.

			NL sử dụng thành thạo dụng cụ vẽ hình để vẽ chính xác góc.				
20	20	§4. Khi nào thì $x\hat{O}y + y\hat{O}z = x\hat{O}z$?	KT: Nắm vững tính chất: Nếu tia Oy nằm giữa 2 tia Ox, Oz thì $x\hat{O}y + y\hat{O}z = x\hat{O}z$? - KN: Nhận biết hai góc bù nhau, phụ nhau, kề nhau, kề bù. + Biết cộng số đo hai góc kề nhau có cạnh chung nằm giữa hai cạnh còn lại. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng công cụ vẽ hình.	Máy chiếu, thước kẻ, thước đo góc			
21	21	§6. Tia phân giác của một góc	KT: Hiểu thế nào là tia phân giác, đường phân giác của góc. - KN: Học sinh biết vẽ tia phân giác của góc. + Học sinh làm được bài toán đơn giản tia phân giác của góc. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, lập luận logic toán học, sử dụng công cụ vẽ hình.	Máy chiếu, thước kẻ		Bài 37	Khuyến khích học sinh tự làm
22	22	Luyện tập	KT: Kiểm tra và khắc sâu kiến thức về tia nằm giữa hai tia, hệ thức cộng góc, tia phân giác của một góc - KN: Học sinh biết vẽ tia phân giác của góc. + Học sinh làm được bài toán đơn giản tia phân giác của góc. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ	thước kẻ, thước đo góc			

			NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.				
24	23, 24	§7. Thực hành đo góc trên mặt đất	KT: HS biết được dụng cụ đo góc trên mặt đất. nắm được cách đo góc trên mặt đất. - KN: HS biết cách đo góc trên thực tế bằng giác kế. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Rèn cho học sinh các năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ.	Giác kế, cọc tiêu	- Đoàn kết - Hợp tác - Trách nhiệm - Tôn trọng		
25	25	§8. Đường tròn	KT: Biết khái niệm đường tròn, hình tròn, tâm, cung tròn, dây cung, đường kính, bán kính. - Nhận biết được các điểm nằm trên, bên trong, bên ngoài đường tròn. - KN : Sử dụng được com pa để vẽ một đường tròn, cung tròn với bán kính cho trước. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực tính toán	thước thẳng compa			
26	26	§9. Tam giác	KT: HS nắm vững định nghĩa tam giác, hiểu đỉnh, góc cạnh của tam giác. - KN: HS vẽ được một tam giác khi biết cả ba cạnh của tam giác đó. + HS nhận biết điểm nằm bên trong và nằm bên ngoài tam giác. Phẩm chất: Trung thực, nhân ái,	thước thẳng thước đo góc, compa			

			trách nhiệm, chăm chỉ NL: Năng lực: Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.				
27	27, 28	Ôn tập chương II	KT: Hệ thống hoá kiến thức về nửa mặt phẳng, góc, tia phân giác của góc, tam giác, đường tròn - KN: HS sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, vẽ góc, vẽ đường tròn và tam giác. + HS bước đầu tập suy luận hình học đơn giản Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL : Năng lực Tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.suy luận, giải quyết các vấn đề toán học	Máy chiếu, thước kẻ			
28	29	Trả bài kiểm tra HKII (Hình học)	KT: Củng cố kiến thức, dạng bài tập trong chương trình học kỳ II - KN: Vận dụng , tìm tòi , mở rộng các kiến thức cơ bản trong học kì II. - Nhận xét chất lượng bài kiểm tra.- Phẩm chất: Trung thực, nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ NL: Tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác.	Nhận xét bài HS			

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

Lê Thị Kim Oanh

Đồng triều, ngày 25 tháng 09 năm 2020
NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Hoàng Thị Nghệ

